

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2207 /STC-TCĐT

V/v công khai danh mục dự án,
chủ đầu tư có dự án chậm lập
báo cáo quyết toán dự án hoàn
thành đến hết quý II năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình tỉnh:
Giao thông; Dân dụng và Công nghiệp.

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; Công văn số 861/UBND-KTTH ngày 07/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh năm 2023. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp, công khai như sau:

1. Tính đến thời điểm ngày 30/6/2023, trên địa bàn tỉnh vẫn còn dự án hoàn thành nhưng chưa lập báo cáo quyết toán là 204 dự án, trong đó có 87 dự án chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, hầu hết các dự án ở cấp huyện, cấp xã (*Chi tiết chủ đầu tư, danh mục dự án vi phạm về thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành có phụ lục đính kèm gửi Văn phòng UBND tỉnh công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh*).

2. Để phân đầu thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn không còn dự án tồn đọng chưa được phê duyệt quyết toán theo tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 861/UBND-KTTH ngày 07/3/2023; Sở Tài chính đề nghị Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn Tây, Trà Bồng; thành phố Quảng Ngãi chỉ đạo các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án:

- Chủ động rà soát các dự án hoàn thành, đến nay chưa thực hiện lập báo cáo quyết toán; xác định rõ những khó khăn, vướng mắc cụ thể từng dự án dẫn đến chậm lập báo cáo quyết toán; đồng thời, làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân có liên quan. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp xử lý, kế hoạch thực hiện, trình người quyết định đầu tư xem xét để xử lý dứt điểm.

- Trường hợp đã hết thời gian thực hiện dự án nhưng còn vướng mắc chưa xử lý, cần chủ động báo cáo người quyết định đầu tư xem xét cho phép quyết toán theo khoản 4, 5 Điều 32 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của

Chính phủ. Tránh tình trạng dự án kéo dài qua nhiều năm không được quyết toán như những năm trước đây.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCĐT (nbngo).



PHỤ LỤC I

DANH MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHẠM LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
ĐẾN HẾT THÁNG 6 NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Công văn số 2208/STC-TCĐT ngày 11 / 7 /2023 của Sở Tài chính Quảng Ngãi)

Đvt: Tỷ đồng

STT	Đơn vị/dự án	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số dự án	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán	Tháng/năm khởi công - hoàn thành		Thời gian chậm lập báo cáo quyết toán so với quy định (tháng)	Tổng vốn đầu tư đã thanh toán
						Khởi công	Hoàn thành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		87		34,671				27,003
A	Dự án do cấp tỉnh quản lý		0		0				0
B	Dự án do cấp huyện quản lý		87		34,671				27,003
I	Huyện Bình Sơn		10		10,288				8,897
1	Đường xã tuyến Tham hội 1- Tham hội 3 (nối dài) xã Bình Thạnh	BQL CTMTQG xã Bình Thạnh	1	C	1,620	02/2020	11/2022	3	1,55
2	BTXM tuyến đường Lạc Sơn - An Phước - Xóm cầu - Lộc Tự đi An Cường Bình Hải, xã Bình Hòa	BQL CTMTQG xã Bình Hòa	1	C	3,000	10/2019	12/2022	2	2,83
3	Kênh Hố Giếng Câu đi nhà Sa 7	BQL CTMTQG xã Bình Hòa	1	C	0,400	3/2020	12/2022	2	0,36
4	Đường thôn tuyến Tây An đến Toàn An giáp tuyến đường số 3 Dung Quất-Chu Lai, xã Bình Thạnh	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	1,440	10/2019	10/2022	4	1,08
5	Đường thôn tuyến Phước An 1 đến Tây Thành, xã Bình Thạnh	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	1,670	09/2017	11/2022	3	1,25

6	Đường thôn tuyến Tây An đến Phước An 2	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	0,800	09/2017	11/2022	3	0,60
7	Tuyến từ nhà bà Ngô Thị Lâu đến nhà ông Đặng Sơn, thôn Hải Ninh	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	0,450	08/2018	10/2022	4	0,38
8	Tuyến đường từ nhà ông Lâm Quang Trung đi đường Dốc Sỏi – Dung Quất	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	0,278	9/2018	10/2022	4	0,25
9	BTXM Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Thành đi ra bãi biển xóm Tân Khương	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	0,380	9/2017	10/2022	4	0,35
10	Tuyến đường TT xã từ thôn Vĩnh Trà , Vĩnh An giáp xã Bình Chánh (Đoạn còn lại của tuyến đường số 3 đến nhà bà Trần Thị Hát)	BQL CT MTQG xã Bình Thạnh	1	C	0,250	11/2018	10/2022	4	0,23
II	Huyện Mộ Đức		65		7,047				4,529
1	Đường BTXM vào hồ xử lý rác thải GD3	UBND xã Đức Chánh	1	C	1,000	4/2022	12/2022	2	0,300
2	Nâng cấp các nhà văn hóa thôn	UBND xã Đức Hòa	1	C	0,658	10/2022	12/2022	2	0,461
3	Tuyến đường Ngõ Tiên - Ngõ Lễ	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
4	Tuyến đường Ngõ Ba Chua- Lê Ân	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
5	Tuyến đường Ngõ Chính - Ngõ Thu	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
6	Tuyến đường Ngõ Đước - Ngõ Cảnh	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
7	Tuyến đường Ngõ Tăng - Ngõ Thuận	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
8	Tuyến đường Ngõ Thụy - Ngõ Nọ	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,078	7/2018	11/2018	51	0,054
9	Tuyến đường Ngõ Thuận - Nhà On	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,034
10	Tuyến đường Ngõ Sáu - Ngõ Lai	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,145	7/2018	11/2018	51	0,101
11	Tuyến đường Ngõ Quận- ngõ Huân	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
12	Tuyến đường Ngõ Hương - Ngõ Tòng	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,063	7/2018	11/2018	51	0,044
13	Tuyến đường Ngõ Hoàng -Dinh Miếu	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
14	Tuyến đường Ngõ Von - Ngõ Việt	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
15	Tuyến đường Ngõ Mậu -Ngõ Hữu	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
16	Tuyến đường Ngõ Hải -Bờ kè Sông Vệ	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,063	7/2018	11/2018	51	0,044

17	Tuyến đường Ngõ Luật- Ngõ Trung	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,051
18	Tuyến đường Ngõ Vàng -Ngõ Thanh	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,033
19	Tuyến đường Ngõ Ba Em- Ngõ A	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,194	7/2018	11/2018	51	0,135
20	Tuyến đường Ngõ Quán - Ngõ Chi	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,068	7/2018	11/2018	51	0,047
21	Tuyến đường Ngõ Tánh - Ngõ Thái	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
22	Tuyến đường Ngõ Tuấn - Ngõ Quý	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
23	Tuyến đường Gò Đình - Ngõ Nga	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,051
24	Tuyến đường Ngõ Thành -Ngõ Kiên	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,087	7/2018	11/2018	51	0,061
25	Tuyến đường Chợ Vom-Ngõ Dung	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,058	7/2018	11/2018	51	0,040
26	Tuyến đường Ngõ Tín - Ngõ Hậu	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,053	7/2018	11/2018	51	0,037
27	Tuyến đường Ngõ Đương -Ngõ Năm	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,044	7/2018	11/2018	51	0,032
28	Tuyến đường Ngõ Nở - Ngõ Nhân	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
29	Tuyến đường Ngõ Nghiêm - Ngõ Phương	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,034
30	Tuyến đường Ngõ Hồng - Ngõ Độ	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,063	7/2018	11/2018	51	0,044
31	Tuyến đường Ngõ Vương - Ngõ Tuấn	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
32	Tuyến đường Ngõ Hóa - Ngõ Công	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
33	Tuyến đường Ngõ Cao - Ngõ Cảnh	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
34	Tuyến đường Nguyễn Văn Tín-Phạm Văn Cự	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
35	Tuyến đường Bùi Vương-Bùi Tấn Cầm	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,034
36	Tuyến đường Huỳnh Hữu Tiến-Trịnh Thị Huân	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
37	Tuyến đường Nguyễn Công Luận - Nguyễn Duy Khâm	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
38	Tuyến đường Lê Quang Cảnh-Trần Thanh Đa	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,034
39	Tuyến đường Lê Quang Quý-Phan Hải- Nguyễn Văn Cang	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
40	Tuyến đường Ngõ Biều - Ngõ Ý	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050

41	Tuyến đường Ngõ Thề - Ngõ Hiến	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,034	7/2018	11/2018	51	0,023
42	Tuyến đường Phạm Duy Nhật-Bùi Thị Thủy	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
43	Tuyến đường Nguyễn Thị Thôi-Lý Văn Chín	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
44	Tuyến đường Ngõ Dương - Ngõ Ty	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
45	Tuyến đường Ngõ Di - Ngõ Đờ	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,034
46	Tuyến đường Ngõ Lữ - Ngõ Cự	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,034
47	Tuyến đường Ngõ Gấp - Ngõ Liêm	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,058	7/2018	11/2018	51	0,040
48	Tuyến đường Ngõ Quý - Ngõ Cang	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,078	7/2018	11/2018	51	0,054
49	Tuyến đường từ Bùi Tấn Minh Quán-Bùi Thị Bích	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
50	Tuyến đường Ngõ Ba - Ngõ Dầy	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
51	Tuyến đường Ngõ Thiệu-Ngõ Huỳnh	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,082	7/2018	11/2018	51	0,057
52	Tuyến đường Ngõ Xuân Lâm-Ngõ Chiến	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,039	7/2018	11/2018	51	0,027
53	Tuyến đường Ngõ chùa – Ngõ Tư	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
54	Tuyến đường Ngõ Bích - Ngõ Khương	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
55	Tuyến đường Ngõ Ngư-Ngõ Khương	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
56	Tuyến đường Ngõ Lâm - Ngõ Chuẩn	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,121	7/2018	11/2018	51	0,084
57	Tuyến đường Ngõ Triền - Ngõ Hộ	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,048	7/2018	11/2018	51	0,032
58	Tuyến đường từ đường Huyện-Ngõ Vinh	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,194	7/2018	11/2018	51	0,135
59	Tuyến đường Ngõ Vang-Ngõ Quang	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,058	7/2018	11/2018	51	0,040
60	Tuyến đường Ngõ Chùa-Ngõ Sinh	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,242	7/2018	11/2018	51	0,168
61	Tuyến đường Ngõ Cúc - Ngõ Hóc	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,067
62	Tuyến đường Ngõ Thành-Ngõ Bích	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,097	7/2018	11/2018	51	0,084
63	Tuyến đường Ngõ Tiêm-Ngõ Liễu	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,063	7/2018	11/2018	51	0,044
64	Tuyến đường Ngõ Thanh -Ngõ Tương	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,055
65	Tuyến đường Ngõ Gui - Ngõ Lộc	UBND xã Đức Hiệp	1	C	0,073	7/2018	11/2018	51	0,050
III	Huyện Nghĩa Hành		1		5,500				3,000
1	Nhà làm việc UBND xã Hành Nhân	UBND xã H.Nhân	1	C	5,500	2019	11/2022	3	3,000

IV	Huyện Sơn Tây		9		4,897				3,782
1	KCH kênh mương Nước Lang, thôn Tang Tong	UBND xã Sơn Liên	1	C	1,001	11/2022	01/2023	1	0,336
2	Nâng cấp nước sinh hoạt xóm Mang Ve, thôn Đắc Doa	UBND xã Sơn Liên	1	C	0,550	11/2022	01/2023	1	0,348
3	Mở rộng và nâng cấp nhà văn hóa Thôn Nước Kìa	UBND xã Sơn Tinh	1	C	0,715	09/2022	12/2022	2	0,665
4	BTXM nhà ông Sa di xóm ông thách	UBND xã Sơn Long	1	C	0,194	10/2022	12/2022	2	0,170
5	Đường điện bằng năng lượng mặt trời từ cầu Nước Tang đến nhà ông Điều	UBND xã Sơn Long	1	C	0,285	10/2022	12/2022	2	0,264
6	Đường điện bằng năng lượng mặt trời từ nhà ông Tê đến đình Kag Rá	UBND xã Sơn Long	1	C	0,424	10/2022	12/2022	2	0,392
7	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đắc Be	UBND xã Sơn Tân	1	C	0,328	10/2022	12/2022	2	0,312
8	Công trình Kênh mương cánh đồng Ra Oay, thôn Đắc Panh	UBND xã Sơn Màu	1	C	0,700	11/2022	12/2022	2	0,638
9	Công trình Kênh mương cánh đồng Tà Vó, thôn Đắc Pao	UBND xã Sơn Màu	1	C	0,700	11/2022	12/2022	2	0,657
V	Thành phố Quảng Ngãi		1		2,939				2,839
1	BTXM tuyến đường thoát nước tình thế và xây dựng cầu bản xã Tịnh Châu	UBND xã Tịnh Châu	1	C	2,939	2021	12/2022	2	2,839
VI	Huyện Trà Bồng		1		4,000				3,957
1	Trường THCS Trương Ngọc Khang	UBND huyện Trà Bồng (BQL DA)	1	C	4,000	09/2020	05/2022	9	3,957

Ghi chú:

- Danh mục (2) bao gồm các dự án (công trình), hạng mục công trình đã hoàn thành và chi phí đã hoàn thành đến thời điểm dừng thực hiện dự án (công trình) của cấp có thẩm quyền.
- (9) Mốc thời gian để tính chậm lập báo cáo quyết toán là ngày bàn giao đưa vào sử dụng cộng với khoảng thời gian cho phép thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.